

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 620/2023/LĐ-PT
Ngày: 30/5/2023
V/v Tranh chấp đơn phương chấm dứt
hợp đồng lao động.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Trúc

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Giang
Bà Lê Thị Quỳnh Anh

- Thư ký phiên tòa: Ông Chu Minh Sang
Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Bà Lê Thị Mỹ Anh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 30/2023/TLPT-LĐ ngày 12 tháng 4 năm 2023, về việc “Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động”.

Do Bản án lao động sơ thẩm số 32/2022/LĐ-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1824/2023/QĐ-PT ngày 26 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 5890/2023/QĐ-PT ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Chao G, sinh năm 1968 (có mặt).

Địa chỉ: số E, Khu đô thị T, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Người bảo vệ quyền và lợi ích của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Thiện Đ - Công ty L2 – Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt).

Địa chỉ: D B, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn B.

Trụ sở: Lô B, đường số A, Khu chế xuất T, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Luo W – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

- Ông Lê Học L, sinh năm 1963 (có mặt).

Địa chỉ: 136/61/63 L, đường H, Phường F, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Đỗ Ngọc L1, sinh năm 1988 (có mặt).

Địa chỉ: số E Đường số H, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người kháng cáo: Công ty Trách nhiệm hữu hạn B – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, phía nguyên đơn ông C Ông C có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Thiện Đ (đến ngày 20/7/2022 chấm dứt ủy quyền) trình bày:

Ngày 11/4/2011, ông Chao G có ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH B (sau đây gọi tắt là Công ty), chức vụ là Trưởng phòng kho vận; mức lương cơ bản là 1.150 USD/tháng. Đến năm 2019 và năm 2020 tiền lương thực lãnh tăng lên là 49.018.170 đồng, tiền lương gồm lương cơ bản và phụ cấp, nhưng phụ cấp gì thì nguyên đơn không rõ, ông chỉ biết đây là mức lương trung bình ông được nhận trực tiếp tiền mặt từ Công ty mỗi tháng và Công ty đã khai thuế thu nhập cá nhân cho ông trên số tiền này. Đến ngày 31/5/2020, Công ty Đ1 thông báo chấm dứt hợp đồng lao động với ông Chao G, nội dung của thông báo: “*Chấm dứt hợp đồng lao động từ ngày 31/05/2020 với lý do: Công ty B1 phải thu hẹp kinh doanh, sản xuất dù đã cố gắng tìm mọi biện pháp khắc phục vì diễn biến phức tạp của dịch bệnh viêm phổi do virus C1 gây ra*”.

Hợp đồng lao động của ông Chao G là hợp đồng không xác định thời hạn, Công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động là trái với quy định pháp luật, không thông báo trước thời gian chấm dứt hợp đồng dẫn đến cuộc sống của nguyên đơn gặp nhiều khó khăn, thu nhập bị ảnh hưởng nặng nề, lý do chấm dứt hợp đồng lao động không đúng sự thật, Công ty vẫn sản xuất, kinh doanh bình thường, không lâm vào hoàn cảnh khó khăn phải thu hẹp sản xuất, còn tuyển thêm công nhân.

Nhận thấy quyền, lợi ích hợp pháp bị xâm phạm, nguyên đơn yêu cầu bị đơn: Bồi thường 02 tháng tiền lương do đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật; trả tiền lương những ngày không được làm việc tính từ ngày 01/06/2020 đến ngày 01/12/2020, tương đương 07 tháng tiền lương; trả tiền trợ

cấp mất việc tính từ năm 2011 đến năm 2020 là 09 năm tương đương với 09 tháng lương; trả tiền do vi phạm thời hạn báo trước là 30 ngày (01 tháng) và nhận ông C Ông C trở lại làm việc, hoặc phải trả thêm 06 tháng lương để chấm dứt hợp đồng lao động. Tổng số tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải bồi thường là: 19 tháng x 49.018.170 đồng/tháng = 933.055.230 đồng. Nếu không nhận nguyên đơn trở lại làm việc thì phải trả thêm 06 tháng x 49.018.170 đồng/tháng = 294.109.020 đồng. Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn Công ty TNHH B do ông Lê Học L và bà Đỗ Ngọc LI đại diện theo ủy quyền cùng thống nhất trình bày:

Về quan hệ lao động giữa nguyên đơn và bị đơn: Tập đoàn G (PH&L International Ltd) đầu tư vào Việt Nam từ năm 1994, mở các công ty sản xuất là Công ty TNHH B, Công ty TNHH L3 (trụ sở tại Bình Dương). Ông Chao Guo H, quốc tịch Trung Quốc đã ký hợp đồng lao động với Tập đoàn G và được điều về Việt Nam làm việc tại Công ty B. Tuân theo pháp luật Việt Nam, do nguyên đơn là lao động nước ngoài nên Công ty TNHH B đã ký với nguyên đơn các Hợp đồng lao động có thời hạn từ năm 2011 đến năm 2020 với mức lương là 600 USD/tháng năm 2011. Hợp đồng lao động cuối cùng là Hợp đồng số NN25 ký ngày 31/12/2018, thời hạn là 02 năm, từ ngày 31/12/2018 đến ngày 31/12/2020, mức lương là 22.000.000 đồng/tháng. Thực tế, Công ty trả cho nguyên đơn lương và phụ cấp là 1.150 USD/tháng = 26.749.000 đồng (1 USD = 23.260 đồng) đã bao gồm bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, và Công ty đã đóng bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn căn cứ theo mức 26.031.000 đồng, các khoản tiền khác nguyên đơn nhận từ Công ty không phải là lương hoặc phụ cấp mà chỉ là tiền hỗ trợ của Công ty và có ghi rõ trong phiếu chi mỗi tháng, có ký nhận của nguyên đơn, cụ thể:

- Theo Bảng chi tiết thu nhập và Bảng thành tích, tháng 12/2019 nguyên đơn đã ký nhận các khoản sau: Lương: 950 USD, Phụ cấp: 200 USD, T tăng ca: 300 USD, T an toàn lao động: 6.46 USD, T điện thoại: 8.61 USD. Tổng thu nhập: 1.465.00 USD (Bảng thu nhập) + 223.16 USD (Bảng thành tích 5.184.000 đồng) = 1.688.23 USD. Từ số tiền tổng thu nhập, sau khi khấu trừ bảo hiểm xã hội (17.25 USD), thuế thu nhập cá nhân, thuế tiền vé máy bay (621.01 USD) nguyên đơn thực lãnh số tiền là: 1.049.97 USD = 24.390.8031 đồng (1USD thời điểm đó là 23.230 đồng), nguyên đơn có ký xác nhận khoản thực lãnh này.

- Theo Bảng chi tiết thu nhập và Bảng thành tích, tháng 01/2020 nguyên đơn đã ký nhận các khoản sau: Lương: 950 USD, Phụ cấp: 200 USD, T tăng ca: 300 USD, T an toàn lao động: 6.49 USD, T điện thoại: 8.65 USD. Tổng thu

nhập: 1.465.13 USD (Bảng thu nhập) + 193.51 USD (Bảng thành tích 4.476.000 đồng) = 1.658.64 USD. Từ số tiền tổng thu nhập, sau khi khấu trừ bảo hiểm xã hội (17.25 USD), thuế thu nhập cá nhân (149.12 USD) nguyên đơn thực lãnh số tiền là: 1.492.27 USD = 34.516.2051 đồng (1USD thời điểm đó là 23.130 đồng), nguyên đơn có ký xác nhận khoản thực lãnh này.

- Theo Bảng chi tiết thu nhập và Bảng thành tích, tháng 02/2020 nguyên đơn đã ký nhận các khoản sau: Lương: 950 USD, Phụ cấp: 200 USD, T tăng ca: 300 USD, T an toàn lao động: 6.47 USD, T điện thoại: 8.63 USD. Tổng thu nhập: 1.465.11 USD (Bảng thu nhập + 219.08 USD (Bảng thành tích 5.076.000 đồng) = 1.684.19 USD. Từ số tiền tổng thu nhập, sau khi khấu trừ bảo hiểm xã hội (17.25 USD), thuế thu nhập cá nhân (154.49 USD) nguyên đơn thực lãnh số tiền là: 1.512.45 = 35.043.4665 đồng (1 USD thời điểm đó là 23.170 đồng), nguyên đơn có ký xác nhận khoản thực lãnh này.

- Theo Bảng chi tiết thu nhập và Bảng thành tích, tháng 03/2020 nguyên đơn đã ký nhận các khoản sau: Lương: 950 USD, Phụ cấp: 200 USD, T tăng ca: 300 USD, T an toàn lao động: 6.47 USD, T điện thoại: 8.63 USD. Tổng thu nhập: 1.465.1 USD (Bảng thu nhập) + 215.45 USD (Bảng thành tích 5.076.000 đồng) = 1.680.46 USD. Từ số tiền tổng thu nhập, sau khi khấu trừ bảo hiểm xã hội (17.25 USD), thuế thu nhập cá nhân (156.18 USD) nguyên đơn thực lãnh số tiền là: 1.507.13 USD = 35.507.9828 đồng (1 USD thời điểm đó là 23.560 đồng), nguyên đơn có ký xác nhận khoản thực lãnh này.

- Theo Bảng chi tiết thu nhập và Bảng thành tích, tháng 04/2020 nguyên đơn đã ký nhận các khoản sau: Lương: 950 USD, Phụ cấp: 200 USD, T tăng ca: 300 USD, T an toàn lao động: 6.42 USD, T điện thoại: 8.57 USD. Tổng thu nhập: 1.464.99 USD (Bảng thu nhập) + 178.84 USD (Bảng thành tích 4.176.000 đồng) = 1.643.83 USD. Từ số tiền tổng thu nhập, sau khi khấu trừ bảo hiểm xã hội (17.25 USD), thuế thu nhập cá nhân (147.56 USD) nguyên đơn thực lãnh số tiền là: 1.479.02 USD = 34.535.117 đồng (1 USD thời điểm đó là 23.350 đồng), nguyên đơn có ký xác nhận khoản thực lãnh này.

- Theo Bảng chi tiết thu nhập, Bảng thành tích, tháng 5/2020 nguyên đơn đã ký nhận các khoản sau: Lương 950 USD, phụ cấp 200 USD, tiền tăng ca 300 USD, tiền an toàn lao động 6.46 USD, tiền điện thoại 8.62 USD, tiền vé máy bay 1.924.82 USD. Tổng thu nhập 3.389.90 USD (Bảng thu nhập) + 184.23 USD (Bảng thành tích 4.276.000 đồng) = 3.574.13 USD. Sau khi khấu trừ bảo hiểm xã hội (17.25 USD) và thuế thu nhập cá nhân (612.80 USD), nguyên đơn

thực lãnh số tiền 2.944.08 USD = 68.096.5704 đồng (1 USD thời điểm đó là 23.210 đồng), nguyên đơn có ký xác nhận khoản thực lãnh này.

Về Bảng chi tiết kê khai nộp thuế thu nhập 2020 của ông Chao Guo H: Theo quy định tại pháp luật Việt Nam đối với lao động nước ngoài thì thu nhập chịu thuế được tính trên tổng thu nhập trung bình tháng của nguyên đơn, không dựa trên Hợp đồng lao động. Tổng thu nhập của nguyên đơn không cố định, bao gồm nhiều khoản ngoài tiền lương, phụ cấp lương và các khoản khác không liên quan trực tiếp đến việc thực hiện công việc theo hợp đồng: tiền tăng ca, tiền an toàn lao động, tiền điện thoại, tiền vé máy bay, tiền thưởng cuối năm... Bản Chi tiết kê khai nộp thuế thu nhập 2020 do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án là không đúng bởi bản đó có kê thu nhập tháng 6/2020 số tiền 107.410.000 đồng (4.600 USD) là tiền mà công ty chi trả 04 tháng lương khi cho nguyên đơn nghỉ việc nhưng nguyên đơn không nhận khoản này và khởi kiện. Khoản thuế thu nhập cá nhân do Công ty K, đóng thay nguyên đơn. Trên thực tế, trong quá trình làm việc tại Công ty, không có tháng nào nguyên đơn nhận mức lương, phụ cấp là 49.018.170 đồng như nguyên đơn trình bày.

Về bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế: Quá trình đóng bảo hiểm xã hội của nguyên đơn được Công ty thực hiện từ tháng 12/2018 do thời điểm này Nhà nước Việt Nam mới yêu cầu đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động nước ngoài. Với tổng thời gian đóng bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn là 1 năm 6 tháng. Bảo hiểm xã hội được đóng trên căn cứ tiền lương hàng tháng là 26.031.000 đồng.

Về việc chấm dứt hợp đồng lao động với nguyên đơn: Cuối tháng 6/2019, Công ty điều động nguyên đơn làm việc tại Công ty TNHH L3 tại Bình Dương do nhu cầu kinh doanh và phù hợp với điều kiện hoàn cảnh của nguyên đơn. Khi làm việc tại Công ty L3, nguyên đơn đã nhiều lần không hoàn thành công việc, giữ chức vụ Trưởng phòng kho thành phẩm nhưng không biết hàng hóa trong kho để xuất hàng, làm mất hàng hóa, gây ảnh hưởng việc giao hàng cho đối tác, mất uy tín cho Tập đoàn G1. Công ty B trong thời gian này đã nhận được văn bản kèm chứng cứ của Công ty L3 phản ánh về việc không hoàn thành công việc của nguyên đơn và yêu cầu Công ty B phải có hướng giải quyết đối với trường hợp nguyên đơn. Ngày 02/01/2020 Công ty L3 đã điều chuyển nguyên đơn sang làm công việc khác với vị trí tương đương nhưng nguyên đơn vẫn không hoàn thành công việc. (*Đơn thông báo xử lý bất thường (08) bản, có chữ ký xác nhận của nguyên đơn*). Chính vì lý do nguyên đơn không hoàn thành công việc, Tổng Giám đốc Công ty L3, ông Luo W, cũng đồng thời là Giám đốc Công ty B cùng

với ban Q 02 công ty đã vận động, thông báo, họp nhiều lần với nguyên đơn từ tháng 3/2020 về việc xin thôi việc, cùng với thỏa thuận trả 4 tháng lương, tất cả mọi chế độ và tìm việc mới cho nguyên đơn nhưng nguyên đơn vẫn không chấp nhận mà còn đưa ra yêu sách vô lý đòi hơn 1.000.000.000 đồng mới nghỉ việc (Thông báo miệng nhiều lần từ tháng 3/2020). Cùng lúc này, tình hình dịch bệnh Covid bùng phát. Tháng D đã ban hành văn bản cách ly trên cả nước đến hết tháng 04/2020. Công ty bị ảnh hưởng nhiều đến sản xuất, phải ra nhiều văn bản nội bộ cắt giảm tiền lương, thời gian làm việc, ngay cả Tổng Giám đốc Công ty cũng bị giảm 30% lương. Do đã thông báo bằng lời nói với nguyên đơn về việc chấm dứt hợp đồng từ tháng 3/2020 với sự chứng kiến của nhiều nhân viên nên ngày 31/5/2020 Công ty đã ban hành Thông báo v/v chấm dứt hợp đồng lao động với nguyên đơn kể từ ngày 31/5/2020. Hiện nay, nguyên đơn đã nhận sổ bảo hiểm xã hội, Công ty cũng đã có văn bản thông báo cho các cơ quan có thẩm quyền liên quan về hợp đồng lao động với nguyên đơn đã kết thúc ngày 31/12/2020 theo như hai bên đã ký kết, nguyên đơn đã hết hạn giấy phép lao động, hết hạn visa kể từ ngày 31/12/2020. Do đó, bị đơn không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đồng ý nhận nguyên đơn trở lại làm việc, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án lao động sơ thẩm số 32/2022/LĐ-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Chao G: Tuyên bố Công ty TNHH B đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật; Buộc Công ty TNHH B trả cho ông C Ông C số tiền 377.449.500 đồng (ba trăm bảy mươi bảy triệu bốn trăm bốn mươi chín nghìn năm trăm đồng); Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc Công ty TNHH B nhận ông C Ông C trở lại làm việc, hoặc phải trả thêm 06 tháng lương để ông C Ông C không tiếp tục làm việc. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ của đương sự trong giai đoạn thi hành án, thời hạn thi hành án.

Ngày 12/10/2022, bị đơn nộp Đơn kháng cáo toàn bộ bản án lao động sơ thẩm và trình bày các lý do của việc kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố Công ty TNHH B đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật và buộc bị đơn thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 42 Bộ luật Lao động 2012. Nguyên đơn đã được

Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết trợ cấp thôi việc nên không yêu cầu bị đơn trả trợ cấp mất việc.

Bị đơn yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu phản tố đề ngày 23/9/2022 của bị đơn.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn - Luật sư Nguyễn Thiện Đ thống nhất với phần trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa phúc thẩm. Bị đơn cho rằng Giấy ủy quyền của nguyên đơn vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng là không có cơ sở. Ngày 20/7/2022, nguyên đơn trực tiếp tham gia tố tụng, không cần thiết phải có người đại diện theo ủy quyền nên đã chấm dứt việc ủy quyền, không làm ảnh hưởng đến bản chất của vụ án. Bị đơn thừa nhận đã biết nguyên đơn không mua vé máy bay về thăm gia đình hàng năm nhưng vẫn chi khoản tiền này nên nguyên đơn được quyền sử dụng và được xem là khoản phúc lợi của Công ty đối với người lao động nên không có cơ sở xem xét yêu cầu phản tố của bị đơn, đồng thời yêu cầu phản tố này không được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét giải quyết. Nhận thấy bị đơn đã không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án lao động sơ thẩm.

Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án: Có thông báo bằng văn bản cho các đương sự và Viện kiểm sát cùng cấp về việc thụ lý vụ án, quyết định xét xử cùng hồ sơ vụ án chuyển Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật; người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét thấy kháng cáo của bị đơn không có cơ sở. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên Bản án lao động sơ thẩm số 32/2022/LĐ-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và kết luận của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc chấp hành pháp luật tố tụng và nội dung của vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của bị đơn thực hiện trong thời hạn luật định nên được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận.

[1.2] Việc xác định thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 nên được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận.

[1.3] Bị đơn cho rằng Giấy ủy quyền ngày 23/6/2020 của nguyên đơn ủy quyền cho ông Nguyễn Thiện Đ ở giai đoạn xét xử sơ thẩm không hợp lệ, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, yêu cầu nguyên đơn phải trực tiếp tham gia tố tụng để làm rõ nội dung vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 138, khoản 1 và điểm d khoản 3 Điều 140 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến này của bị đơn.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn:

[2.1] Về quan hệ lao động giữa hai bên: Nguyên đơn và bị đơn phát sinh quan hệ lao động từ năm 2011 đến năm 2020, do nguyên đơn là người nước ngoài nên hai bên đã ký các hợp đồng lao động có thời hạn theo giấy phép lao động. Theo Hợp đồng số NN25 ký ngày 31/12/2018, thời hạn là 02 năm, từ ngày 31/12/2018 đến ngày 31/12/2020, mức lương là 22.000.000 đồng/tháng, tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định của Việt Nam đối với lao động là người nước ngoài. Ngày 31/5/2020, bị đơn ban hành thông báo cho nguyên đơn nghỉ việc từ ngày 31/5/2020 do Công ty buộc thu hẹp kinh doanh, sản xuất.

[2.2] Về yêu cầu tuyên bố bị đơn đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với nguyên đơn trái pháp luật:

[2.2.1] Điều 1 Hợp đồng lao động số NN25 ngày 31/12/2018 thể hiện hai bên thỏa thuận thời hạn làm việc của nguyên đơn từ ngày 31/12/2018 đến 31/12/2020, địa điểm làm việc tại Công ty TNHH B, Lô B, Đường số A, KCX T, phường T Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Khi hợp đồng lao động chưa chấm dứt và hai bên không ký phụ lục hợp đồng lao động nhưng từ tháng

6/2019, Công ty B điều động nguyên đơn làm việc tại Công ty TNHH L3 ở tỉnh Bình Dương, giữ chức vụ trưởng phòng kho thành phẩm là không phù hợp với quy định tại Điều 31 Bộ luật Lao động năm 2012, gây khó khăn trong việc thực hiện nhiệm vụ của người lao động.

[2.2.2] Bị đơn xác nhận từ cuối tháng 3/2020, nguyên đơn không đồng ý tiếp tục làm việc tại Công ty L3, đã nhiều lần yêu cầu bị đơn điều chuyển nguyên đơn trở lại Công ty B làm việc nhưng bị đơn không đồng ý điều chuyển lại, ông Dong Jia H1 – Phó Tổng Giám đốc Công ty B đã động viên nguyên đơn làm đơn xin nghỉ việc nhưng nguyên đơn không thực hiện. Đến cuối tháng 3/2020, ông Dong Jia H1 đã trực tiếp thông báo bằng lời nói với nguyên đơn rằng Công ty sẽ chấm dứt hợp đồng lao động với nguyên đơn vào ngày 31/5/2020 do không hoàn thành nhiệm vụ. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn xác định ông không được ông Dong Jia H1 thông báo cho nghỉ việc từ ngày 31/5/2020. Căn cứ khoản 2 và khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm, Hội đồng xét xử phúc thẩm giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.

[2.2.3] Bị đơn cho rằng Công ty bị ảnh hưởng của dịch Covid – 19 nên Công ty thực hiện thay đổi cơ cấu nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh phía Công ty đã xây dựng và thực hiện phương án sử dụng lao động theo quy định tại Điều 44 của Bộ luật Lao động năm 2012. Bị đơn đã ngừng trả lương, chốt sổ Bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn từ tháng 6/2020.

[2.3] Về tiền lương làm cơ sở nguyên đơn yêu cầu bị đơn bồi thường do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật: Căn cứ Hợp đồng lao động ngày 31/12/2018 và các bảng Bảng chi tiết thu nhập và Bảng thành tích các tháng do các bên thừa nhận và cung cấp, có chữ ký nhận của nguyên đơn thì lương và phụ cấp mỗi tháng của nguyên đơn là 1.150 USD. Nguyên đơn dựa vào chi tiết kê khai nộp thuế Thu nhập 2020 xác định mức lương 49.018.170 đồng/tháng là không chính xác. Tiền lương và phụ cấp mỗi tháng nguyên đơn nhận số tiền không giống nhau và khác với số 49.018.170 đồng, nguyên đơn cũng không giải trình được số tiền 49.018.170 đồng bao gồm những khoản tiền gì. Căn cứ sổ Bảo hiểm xã hội mã số 7937173594 của ông Chao G thì nguyên đơn chỉ đóng quỹ TNLĐ, BNN từ tháng 12/2018 đến 05/2020 theo mức lương là 26.031.000 đồng; căn cứ Điều 26 Nghị định 115/2015/NĐ-CP 11/11/2015 của Chính phủ quy định chuyển đổi tiền lương bằng ngoại tệ sang đồng Việt Nam để đóng bảo hiểm xã hội Tòa án cấp sơ thẩm xác định tiền lương làm căn cứ xét xử

là mức lương bị đơn đóng bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn với số tiền 26.031.000 đồng/tháng là phù hợp.

[2.4] Do bị đơn đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn có nghĩa vụ giải quyết các quyền lợi cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 42 Bộ luật Lao động năm 2012, gồm: Trả tiền lương trong những ngày không được làm việc từ 01/6/2020 đến khi kết thúc hợp đồng lao động 31/12/2020 là 07 tháng, cộng với 02 tháng tiền lương; 30 ngày (tương đương 01 tháng) do vi phạm thời hạn báo trước; trợ cấp thôi việc từ năm 2011 đến năm 2020 bằng 4,5 tháng tiền lương theo quy định tại Điều 42 và Điều 48 Bộ luật Lao động 2012 với tổng số tiền = 14,5 tháng x 26.031.000 đồng/tháng = 377.449.500 đồng đồng là phù hợp. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm có sự nhầm lẫn khi sử dụng khái niệm trợ cấp thôi việc theo quy định của Điều 48 và trợ cấp mất việc theo quy định tại Điều 49 Bộ luật Lao động năm 2012. Ngoài ra, căn cứ khoản 1 Điều 42 Bộ luật Lao động năm 2012; Điều 2 và Điều 5 của Nghị định số 143/2018/NĐ-CP ngày 15/10/2018 quy định chi tiết Luật Bảo hiểm xã hội và Luật An toàn vệ sinh lao động về bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với người lao động là công dân nước ngoài làm việc tại Việt Nam, nguyên đơn và bị đơn có nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế cho nguyên đơn từ ngày 01/6/2020 đến 31/12/2020 theo quy định của pháp luật Việt Nam đối với người lao động là công dân nước ngoài làm việc tại Việt Nam với mức lương 26.031.000 đồng/tháng.

[3] Về yêu cầu buộc bị đơn nhận nguyên đơn trở lại làm việc, hoặc phải trả thêm 06 tháng lương để nguyên đơn không tiếp tục làm việc: Xét thấy Hợp đồng lao động giữa nguyên đơn và bị đơn hết hạn vào ngày 31/12/2020, Tòa án cấp sơ thẩm không có chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là phù hợp nên Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên.

[4] Về yêu cầu nguyên đơn hoàn trả cho bị đơn tiền vé máy bay 45.500 USD x 9 năm, khoảng 400.000.000 đồng: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được Tòa án cấp sơ thẩm tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, đã trình bày ý kiến và tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tuy nhiên bị đơn không có yêu cầu phản tố. Sau khi Tòa án cấp sơ thẩm ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử, ngày 23/9/2022 bị đơn mới làm đơn phản tố. Căn cứ khoản 3 Điều 200 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không có cơ sở để Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo này của bị đơn.

[6] Từ những nhận định trên, có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án lao động sơ thẩm.

[6] Án phí lao động sơ thẩm: Nguyên đơn được miễn án phí lao động sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí lao động sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

[7] Án phí lao động phúc thẩm: Nguyên đơn không phải chịu án phí lao động phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị đơn phải chịu án phí lao động phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí lao động phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 32, khoản 1 Điều 148, Điều 293, khoản 2 Điều 296, Điều 5, Điều 268, khoản 1 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng:

Điều 30, Điều 31, Điều 38, Điều 42 Bộ luật Lao động năm 2012;

Điều 24 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật Lao động;

Điều 26 Nghị định số 115/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc; Quyết định số 595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017 của B2 về việc Ban hành quy trình thu Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm tai nạn lao động, Bệnh nghề nghiệp, Quản lý sổ Bảo hiểm xã hội, thẻ Bảo hiểm y tế;

Điều 2 và Điều 5 Nghị định số 143/2018/NĐ-CP ngày 15/10/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Bảo hiểm xã hội và Luật An toàn vệ sinh lao động về bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với người lao động là công dân nước ngoài làm việc tại Việt Nam;

Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Luật Phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH B. Giữ nguyên Bản án lao động sơ thẩm số 32/2022/LĐ-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1.1. Tuyên bố Công ty TNHH B đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với ông C Ông C trái pháp luật.

1.2. Buộc Công ty TNHH B trả cho ông C Ông C số tiền 377.449.500 đồng (ba trăm bảy mươi bảy triệu bốn trăm bốn mươi chín nghìn năm trăm đồng), trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.3. Kể từ ngày ông Chao G có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền nói trên, hàng tháng Công ty TNHH B còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc Công ty TNHH B nhận ông C Ông C trở lại làm việc, hoặc phải trả thêm 06 tháng lương để ông C Ông C không tiếp tục làm việc.

3. Ông Chao G và Công ty TNHH B có nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế cho ông C Ông C từ ngày 01/6/2020 đến 31/12/2020 theo quy định của pháp luật Việt Nam đối với người lao động là công dân nước ngoài làm việc tại Việt Nam với mức lương 26.031.000 đồng/tháng tại cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền.

4. Về án phí lao động sơ thẩm:

4.1. Ông Chao G không phải chịu án phí lao động sơ thẩm;

4.2. Công ty TNHH B phải chịu tiền án phí lao động sơ thẩm là 11.323.485 đồng (mười một triệu ba trăm hai mươi ba nghìn bốn trăm tám mươi lăm đồng). Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Án phí lao động phúc thẩm:

5.1. Ông Chao G không phải chịu án phí lao động phúc thẩm.

5.2. Công ty TNHH B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí lao động phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0015510 ngày 20/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân Quận 7;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7;
- Đường sự;
- Lưu (T18).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC
THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thanh Trúc